UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG MN CAO NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 14 tháng 02 năm 2023)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Hoàng Thị Thuý** Ngày tháng năm sinh: 25/03/1978
- Chức vụ/chức danh công tác: Kế toán
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường Mầm non Cao Nhân, Thủy Nguyên, HP.**
- Nơi thường trú: xã Cao Nhâ, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 031178014769 ngày cấp 31/08/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DL QG về dân cư.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Hoàng Văn Sóng** Ngày tháng năm sinh: 19/01/1976
- Nghề nghiệp: Tự do
- Nơi làm việc[4]: .....
- Nơi thường trú: xã Cao Nhân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031016193 ngày cấp 28/08/2006 nơi cấp CAHP

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Hoàng Tuấn Hưng** Ngày tháng năm sinh: 23/07/2007
- Nơi thường trú: xã Cao Nhân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031207003857 ngày cấp15/04/2022 nơi cấp Cục cảnh sát.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: **Hoàng Thái Hoà** Ngày tháng năm sinh: 04/06/2010
- Nơi thường trú: Thôn Bắc, xã Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: Thôn 8 - Xã Cao Nhân - Thủy Nguyên- Hải Phòng

- Diện tích[9]: 39,5 m2

- Giá trị[10]: Đất ở sử dụng lâu dài

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Thửa đất 156A Tờ bản đồ 01. Vào sổ cấp GCN số CH 00738

- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị[10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn 8, xã Cao Nhân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

- Loại nhà[14]: Cấp 4

- Diện tích sử dụng [15]: 50m2

- Giá trị[10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị [10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]: **(Không có)**

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20]**. (Không có)**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21]. **(Không có)**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: **(Không có)**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: **(Không có)**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]: **(Không có)**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]: **(Không có)**

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

(Không)

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản: **Xe máy** Số đăng ký: 15G1 - 678.23 Giá trị: 50.000.000

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]: **(Không có)**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26]. **(Không có)**

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]: **(Không có)**

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 110.000.000
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120.000.000
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....
- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt	Không	Không	

Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].		Giảm	

..... ngày....tháng....năm....
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Thủy Nguyên, ngày 14 tháng 02 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Thuý